

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**  
**Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC, ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 93/TTr-STC ngày 22/3/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên dự án: Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long.
- Địa điểm thực hiện: Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long.
- Thời gian khởi công: năm 2019.
- Thời gian hoàn thành: năm 2022.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Chi phí đầu tư:

*Đvt: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số		291.421.659.989	282.118.912.190
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, TĐC	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Giá trị quyết toán
2	Chi phí xây dựng	257.430.899.875	256.286.812.031
3	Chi phí thiết bị	9.715.372.727	9.631.412.727
4	Chi phí quản lý dự án	4.308.429.716	4.308.429.716
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	11.818.213.526	11.119.914.582
6	Chi phí khác	846.091.551	772.343.134
7	Chi phí dự phòng	7.302.652.594	-

2. Nguồn vốn đầu tư:

*Dvt: đồng*

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán	Thực hiện		
			Đã thanh toán	Còn được giải ngân	Phải thu hồi
<b>Tổng số</b>	<b>291.421.659.989</b>	<b>282.118.912.190</b>	<b>271.420.000.000</b>	<b>10.699.482.190</b>	<b>570.000</b>
<b>1. Vốn đầu tư công</b>	<b>291.421.659.989</b>	<b>282.118.912.190</b>	<b>271.420.000.000</b>	<b>10.699.482.190</b>	<b>570.000</b>
1.1. Vốn ngân sách Nhà nước	291.421.659.989	282.118.912.190	271.420.000.000	10.698.482.190	570.000
- Vốn ngân sách Trung ương	215.000.000.000	205.699.482.190	195.000.000.000	10.699.482.190	-
- Vốn ngân sách địa phương	76.421.659.989	76.419.430.000	76.420.000.000	-	570.000
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-
<b>2. Vốn khác (nếu có)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Dvt: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>282.118.912.190</b>	<b>-</b>
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	-	-	276.559.948.526	-
2. Tài sản ngắn hạn	-	-	5.558.963.664	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

- Chi phí không tạo nên tài sản: Không

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.**

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đvt: đồng*

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>282.118.912.190</b>	
<b>1. Vốn đầu tư công</b>	<b>282.118.912.190</b>	
1.1. Vốn ngân sách Nhà nước	282.118.912.190	
- Vốn ngân sách Trung ương	205.699.482.190	
- Vốn ngân sách địa phương	76.419.430.000	
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	
<b>2. Vốn khác (nếu có)</b>	<b>-</b>	

- Tổng các khoản nợ tính đến ngày 26/10/2023 là:

+ Nợ phải thu: 570.000 đồng.

+ Nợ phải trả: 10.699.482.190 đồng.

- Xử lý công nợ: Trên cơ sở quyết định phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư làm việc với các tổ chức, đơn vị có liên quan để thanh toán công nợ và tất toán dự án theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản cố định là:

*Đvt: đồng*

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	Tài sản ngắn hạn
<b>Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>276.559.948.526</b>	<b>5.558.963.664</b>

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan: Phối hợp cùng Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán, tất toán dự án theo quy định.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Vĩnh Long, Giám đốc Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Vĩnh Long, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 123.KTNV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**